UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8400/ĐA-SGDĐT

Cà Mau, ngày 29 tháng 10 năm 2026

ĐỀ ÁN
Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2029

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

1. Căn cứ xây dựng Đề án

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW.

Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Các thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình giáo dục mầm non, Điều lệ Trường mầm non, vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc, chế độ làm việc của giáo viên, danh mục thiết bị, đồ chơi, học liệu và quy định về cơ sở vật chất.

Kế hoạch số 0188/KH-UBND ngày 11/11/2025 của UBND tỉnh; Công văn số 2948/BGDĐT-GDMN ngày 26/5/2026, Công văn số 4642/BGDĐT-GDMN ngày 21/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Báo cáo số 400/BC-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh và Công văn số 11325/UBND-KGVX ngày 13/7/2026 của UBND tỉnh.

2. Cơ sở thực tiễn

Trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đang ở giai đoạn phát triển quan trọng về thể chất, tình cảm, nhận thức, ngôn ngữ, kỹ năng xã hội và những phẩm chất, năng lực nền tảng; việc được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp có ý nghĩa trực tiếp đối với sự phát triển toàn diện và chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một.

Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi là yêu cầu mới so với giai đoạn phổ cập trẻ 5 tuổi; vì vậy cần tổ chức lại nguồn lực theo hướng đồng bộ từ điều tra đối tượng, huy động trẻ, bảo đảm chương trình, đội ngũ, phòng học,

phòng chức năng, thiết bị và cơ chế phối hợp tại cơ sở.

Thực tiễn Cà Mau cho thấy tỷ lệ huy động trẻ 3-4 tuổi còn thấp, đội ngũ và cơ sở vật chất còn thiếu, phân bổ chưa đồng đều; điều kiện địa lý sông ngòi, kênh rạch và giao thông ở một số địa bàn làm tăng khó khăn trong tiếp cận giáo dục mầm non.

II. THỰC TRẠNG

1. Về quy mô

1.1. Về trường, lớp

Tỉnh Cà Mau có 112 cơ sở giáo dục mầm non, gồm 94 cơ sở công lập và 18 cơ sở ngoài công lập; có 56 nhóm lớp. Tổng số nhóm, lớp là 2.053, trong đó công lập 1.768 và ngoài công lập 285.

Tổng số trẻ là 51.534, trong đó trẻ tại cơ sở công lập 45.738 và ngoài công lập 5.796. Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ là 4.282/34.736, đạt 12,33%; tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo là 47.252/64.240, đạt 73,56%. Trong đó, trẻ 3 tuổi đạt 51,32%; trẻ 4 tuổi đạt 64,28%; trẻ 5 tuổi đạt 98%.

1.2. Về đội ngũ

Đối với cơ sở giáo dục mầm non công lập: có 3.911 cán bộ quản lý, giáo viên, gồm 298 cán bộ quản lý và 3.613 giáo viên; trình độ đào tạo gồm 3.351 đại học, 536 cao đẳng và 24 trung học.

Đối với cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập: có 490 cán bộ quản lý, giáo viên, gồm 29 cán bộ quản lý và 461 giáo viên; trình độ đào tạo gồm 91 đại học, 390 cao đẳng và 09 trung học.

Tuyển bổ sung đến năm 2029 là 608 giáo viên và 182 nhân viên, tổng cộng 790 người; đồng thời 24 giáo viên chưa đạt chuẩn đang học nâng chuẩn, hoàn thành trong năm 2027.

1.3. Về cơ sở vật chất

Toàn tỉnh có 2.051 phòng học, trong đó 1.270 phòng cơ bản, 769 phòng bán cơ bản và 12 phòng tạm; riêng công lập có 1.725 phòng, gồm 1.027 phòng cơ bản, 686 phòng bán cơ bản và 12 phòng tạm.

Để đáp ứng yêu cầu phổ cập theo lộ trình, cần đầu tư 879 phòng, gồm 358 phòng học và 521 phòng chức năng; mua sắm 1.230 bộ, gồm 1.106 bộ thiết bị đồ dùng tối thiểu và 124 bộ đồ chơi ngoài trời.

2. Đánh giá chung

2.1. Kết quả đạt được

100% xã, phường đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non phủ kín địa bàn. Các cơ sở giáo dục mầm non đã tổ chức dạy học 02 buổi/ngày; còn 02/94 trường công lập chưa tổ chức ăn bán trú.

Đội ngũ cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo là 4.041/4.074, đạt 99,19%, còn 24 giáo viên chưa đạt chuẩn đang được đào

tạo nâng chuẩn.

2.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Tỷ lệ huy động trẻ 3 tuổi và 4 tuổi còn thấp so với yêu cầu phổ cập; chênh lệch giữa các xã, phường lớn, nhất là tại địa bàn khó khăn.

Cơ sở vật chất chưa đồng bộ, còn thiếu phòng học, phòng chức năng, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và một số điều kiện phục vụ tổ chức 02 buổi/ngày, bán trú.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên còn thiếu và phân bổ chưa đồng đều; việc tăng nhóm, lớp phải gắn với khả năng bảo đảm giáo viên, nhân viên.

Địa hình sông ngòi, kênh rạch, giao thông ở một số khu vực gây khó khăn cho việc đưa trẻ đến trường; một bộ phận cha mẹ còn có tâm lý chăm sóc trẻ 3-4 tuổi tại nhà.

Công tác điều tra, cập nhật dữ liệu trẻ trong độ tuổi, theo dõi quá trình học tập và liên thông dữ liệu phục vụ phổ cập cần tiếp tục được chuẩn hóa, cập nhật thường xuyên.

Nguyên nhân chủ yếu là phổ cập trước đây tập trung vào trẻ 5 tuổi; nguồn lực dành cho trẻ 3-4 tuổi chưa được chuẩn bị đồng bộ; điều kiện đầu tư và nhân lực ở một số địa bàn còn hạn chế.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP, HẠNG MỤC, KINH PHÍ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Quan điểm

Thực hiện phổ cập theo hướng bảo đảm quyền được tiếp cận giáo dục mầm non của trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, lấy trẻ làm trung tâm, bảo đảm an toàn, chất lượng và phù hợp điều kiện thực tế của từng địa bàn.

Quản lý phổ cập theo dữ liệu dân cư và dữ liệu giáo dục; xác định rõ từng trẻ, từng nhóm tuổi, từng xã, phường và từng điều kiện đạt chuẩn; không để bỏ sót đối tượng.

Đầu tư đồng bộ mạng lưới trường, lớp, đội ngũ, phòng học, phòng chức năng, thiết bị và điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; ưu tiên địa bàn khó khăn và nơi có tỷ lệ huy động thấp.

Phân kỳ đầu tư và tuyển dụng theo đúng lộ trình công nhận; gắn trách nhiệm, tiến độ và sản phẩm với từng cơ quan, địa phương, cơ sở giáo dục; huy động hợp pháp các nguồn lực xã hội.

Hoàn thành các điều kiện và kiểm tra, công nhận cấp xã, phường và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào công nhận tỉnh Cà Mau đạt chuẩn trong năm 2029.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Mở rộng tiếp cận công bằng, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; hoàn thiện mạng lưới trường, lớp và các điều kiện bảo đảm; tuyển đủ đội ngũ, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị; nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ; xây dựng hệ thống quản lý phổ cập chính xác,

cập nhật, đồng bộ. Đến năm 2029, tỉnh Cà Mau hoàn thành các điều kiện, được kiểm tra và công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Tỷ lệ huy động trẻ 3 tuổi hằng năm đạt từ 91% trở lên; trẻ 4 tuổi đạt từ 92%; trẻ 5 tuổi duy trì trên 98%.

Tỷ lệ trẻ 3 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non hằng năm đạt từ 90% trở lên; trẻ 4 tuổi đạt từ 95%; trẻ 5 tuổi duy trì trên 98%.

Tỷ lệ nhóm, lớp tổ chức học 02 buổi/ngày đạt 100%.

Đến năm 2029 tuyển đủ 790 giáo viên, nhân viên, gồm 608 giáo viên và 182 nhân viên; hoàn thành nâng chuẩn cho 24 giáo viên trong năm 2027.

Đến năm 2028 hoàn thành đầu tư 879 phòng, gồm 358 phòng học và 521 phòng chức năng; hoàn thành mua sắm 1.230 bộ, gồm 1.106 bộ thiết bị đồ dùng tối thiểu và 124 bộ đồ chơi ngoài trời.

Ban Chỉ đạo phổ cập, UBND xã, phường và cơ sở giáo dục mầm non quản lý hồ sơ, dữ liệu phổ cập trên nền tảng số; dữ liệu trẻ, đội ngũ, nhóm lớp, cơ sở vật chất và kết quả học tập được cập nhật, đối chiếu thường xuyên.

Đến năm 2028 có 40/64 xã, phường (62,5%) đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; năm 2029 hoàn thành 64/64 xã, phường và tỉnh được Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, công nhận.

3. Giải pháp thực hiện

3.1. Về quy hoạch mạng lưới trường, lớp

Rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường, điểm trường, nhóm, lớp theo dân số trẻ 3-5 tuổi, dự báo biến động dân số, điều kiện địa lý và nhu cầu thực tế; ưu tiên nơi tỷ lệ huy động thấp, khu dân cư đông, địa bàn khó khăn.

Chủ động phương án tiếp nhận trẻ, không để thiếu chỗ học; chỉ mở tăng nhóm, lớp khi đồng thời bảo đảm giáo viên, nhân viên, phòng học và các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Lồng ghép mục tiêu phổ cập vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và kế hoạch phát triển giáo dục hằng năm của địa phương.

3.2. Về đầu tư, xây dựng và mua sắm

Rà soát hiện trạng từng phòng học, phòng chức năng, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi; xác định rõ nhu cầu xây mới, xây thay thế, sửa chữa và mua sắm theo từng xã, phường, từng cơ sở.

Thực hiện đầu tư 879 phòng trong giai đoạn 2027-2028; ưu tiên phòng học, cơ sở thuộc lộ trình công nhận và nơi có nguy cơ thiếu chỗ học.

Mua sắm 1.230 bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo nhu cầu thực tế; bảo đảm đồng bộ với phòng học, nhóm lớp, số trẻ và chương trình giáo dục; tránh mua sắm dàn trải, trùng lặp.

Phối hợp các cơ quan chuyên môn hoàn thiện hồ sơ đất đai, đầu tư, thiết kế, dự toán, lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu, bàn giao và đưa công trình vào sử dụng đúng tiến độ.

3.3. Về bố trí, sắp xếp, tuyển mới giáo viên, nhân viên

Rà soát nhu cầu đội ngũ hằng năm theo số nhóm, lớp và yêu cầu tổ chức 02 buổi/ngày; thực hiện tuyển 608 giáo viên và 182 nhân viên, hoàn thành trong năm 2029.

Lộ trình tuyển giáo viên: năm 2026 là 15; năm 2027 là 253; năm 2028 là 253; năm 2029 là 87.

Lộ trình tuyển nhân viên: năm 2027 là 115; năm 2028 là 67.

Điều chuyển, bố trí lại đội ngũ giữa các cơ sở theo thẩm quyền; ưu tiên cơ sở thiếu giáo viên, địa bàn thuộc lộ trình công nhận; trường hợp chưa tuyển đủ thì thực hiện hợp đồng theo quy định hiện hành.

Chủ động tạo nguồn tuyển dụng, đặt hàng/giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên theo quy định; đồng thời nghiên cứu, tham mưu chính sách phù hợp để thu hút và giữ chân giáo viên tại địa bàn khó khăn.

3.4. Về nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ

Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo từng độ tuổi; bảo đảm trẻ được học đủ nội dung, được theo dõi sự tiến bộ và được hỗ trợ kịp thời khi chưa đạt yêu cầu.

Lập và cập nhật danh sách trẻ 3-5 tuổi; theo dõi quá trình tham gia học tập và kết quả hoàn thành chương trình của từng trẻ; tổng hợp kết quả theo nhóm tuổi, cơ sở và xã, phường phục vụ kiểm tra, công nhận.

Tổ chức các hoạt động cân đối giữa học, chơi, vận động, nghỉ ngơi; tăng hoạt động ngoài trời, trải nghiệm, khám phá, kỹ năng sống; thực hiện giáo dục môi trường, văn hóa dân tộc, STEAM và các nội dung phù hợp.

Phối hợp cha mẹ/người chăm sóc trẻ trong chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, phát triển thể chất và chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một; chú trọng trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ có nguy cơ không đến trường hoặc không duy trì chuyên cần.

3.5. Về chuyển đổi số

Điều tra, cập nhật, quản lý dữ liệu trẻ 3-5 tuổi trên nền tảng số, đối chiếu với dữ liệu dân cư; bảo đảm thống nhất giữa hồ sơ phổ cập, hồ sơ nhà trường và số liệu báo cáo.

Số hóa hồ sơ, minh chứng và dữ liệu về trẻ, đội ngũ, nhóm lớp, cơ sở vật chất, thiết bị và kết quả hoàn thành chương trình; bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu cá nhân.

Ứng dụng dữ liệu số để theo dõi các chỉ tiêu theo từng xã, phường; thiết lập cơ chế cảnh báo đối với địa bàn có tỷ lệ huy động thấp, thiếu giáo viên, thiếu phòng học hoặc chưa đạt điều kiện chuẩn.

3.6. Về xã hội hóa giáo dục

Huy động hợp pháp các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và cộng đồng tham gia hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu, hoạt động chăm sóc, dinh dưỡng, an toàn và phát triển giáo dục mầm non.

Ưu tiên nguồn lực xã hội hóa cho điểm trường vùng sâu, vùng xa, vùng sông nước và địa bàn khó khăn; hỗ trợ các giải pháp đưa đón trẻ an toàn phù hợp điều kiện địa phương.

Việc huy động, tiếp nhận và sử dụng nguồn lực phải công khai, minh bạch, đúng quy định, không làm phát sinh nghĩa vụ đóng góp trái quy định đối với cha mẹ trẻ.

3.7. Về tuyên truyền nâng cao nhận thức

Tổ chức tuyên truyền thường xuyên về quyền được tiếp cận giáo dục mầm non, mục tiêu và lợi ích của phổ cập trẻ 3-5 tuổi; tập trung thay đổi nhận thức của cha mẹ trẻ 3-4 tuổi.

Phối hợp chính quyền, đoàn thể, cơ sở giáo dục và cộng đồng vận động đến từng hộ có trẻ chưa ra lớp; phân loại nguyên nhân và lựa chọn biện pháp huy động phù hợp.

Đa dạng hóa hình thức truyền thông, gắn tuyên truyền với chất lượng thực tế của cơ sở giáo dục, an toàn, dinh dưỡng, chăm sóc và sự phát triển của trẻ.

4. Hạng mục, kinh phí và lộ trình thực hiện

4.1. Hạng mục, lộ trình

Năm 2027: Đầu tư 483 phòng (168 phòng học; 55 phòng giáo dục thể chất; 35 phòng giáo dục nghệ thuật; 64 phòng tin học, ngoại ngữ; 104 phòng thư viện; 36 phòng họp; 21 phòng y tế); mua sắm 645 bộ thiết bị đồ dùng và 65 bộ đồ chơi ngoài trời; tuyển 383 giáo viên, nhân viên (253 giáo viên, 115 nhân viên, Năm 2026: 15 giáo viên); kiểm tra, công nhận lũy kế 16 xã, phường; dự kiến kinh phí: 408.196.075.000 đồng.

Năm 2028: Đầu tư 396 phòng (190 phòng học; 40 phòng giáo dục thể chất; 22 phòng giáo dục nghệ thuật; 50 phòng tin học, ngoại ngữ; 61 phòng thư viện; 25 phòng họp; 08 phòng y tế); mua sắm 461 bộ thiết bị đồ dùng và 59 bộ đồ chơi ngoài trời; tuyển 320 giáo viên, nhân viên (253 giáo viên, 67 nhân viên); kiểm tra, công nhận lũy kế 40 xã, phường; dự kiến kinh phí: 373.329.550.000 đồng.

Năm 2029: Tuyển 87 giáo viên; hoàn thiện các điều kiện, hồ sơ; kiểm tra, công nhận lũy kế 64 xã, phường; tham mưu trình Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, công nhận tỉnh Cà Mau đạt chuẩn phổ cập.

4.2. Dự kiến nguồn lực

Tổng kinh phí thực hiện Đề án dự kiến: **781.525.625.000** đồng *(Bảy trăm tám mươi mốt tỷ năm trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng)*.

Nguồn lực thực hiện gồm ngân sách nhà nước theo phân cấp, nguồn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên, các chương trình, đề án có liên quan và các nguồn hợp pháp khác. Việc bố trí vốn hằng năm căn cứ khả năng cân đối ngân sách, danh

mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tiến độ thực hiện Đề án.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan chủ trì, thường trực, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo triển khai Đề án; ban hành hướng dẫn, kế hoạch thực hiện hằng năm; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp và đề xuất xử lý khó khăn, vướng mắc.

Chỉ đạo điều tra, cập nhật trẻ 3-5 tuổi; hướng dẫn tổ chức chương trình theo từng độ tuổi, 02 buổi/ngày; chuẩn hóa hồ sơ và dữ liệu phổ cập; theo dõi trẻ hoàn thành chương trình.

Chủ trì rà soát nhu cầu 608 giáo viên, 182 nhân viên; phối hợp Sở Nội vụ thực hiện tuyển dụng theo lộ trình; theo dõi 24 giáo viên nâng chuẩn hoàn thành năm 2027; tổ chức bồi dưỡng, kiểm tra và đánh giá chuẩn nghề nghiệp.

Tổng hợp danh mục 879 phòng và 1.230 bộ thiết bị, đồ dùng đồ chơi; phối hợp Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND xã, phường theo dõi tiến độ.

Tổ chức kiểm tra, tham mưu công nhận theo lộ trình 07 xã, phường năm 2026; 16 xã, phường lũy kế năm 2027; 40 xã, phường lũy kế năm 2028; 64 xã, phường năm 2029; tham mưu trình Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, công nhận tỉnh vào năm 2029.

Tổ chức sơ kết hằng năm, tổng kết giai đoạn hoàn thành.

2. Sở Nội vụ

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát nhu cầu tuyển dụng, bố trí, điều động và sử dụng 790 giáo viên, nhân viên theo vị trí việc làm và khả năng bố trí từng năm.

Tham mưu cấp có thẩm quyền phương án tuyển 15 người năm 2026, 368 người năm 2027, 320 người năm 2028 và 87 người năm 2029; ưu tiên cơ sở thiếu đội ngũ và địa bàn thuộc lộ trình công nhận.

Hướng dẫn tuyển dụng, tiếp nhận, bố trí, điều động, sử dụng; phối hợp theo dõi việc quản lý nhân sự, hạn chế tình trạng thừa - thiếu cục bộ.

3. Sở Xây dựng

Hướng dẫn Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo Đề án được phê duyệt đảm bảo kịp thời, hiệu quả và đúng quy định.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các sở, ngành liên quan tham mưu cấp thẩm quyền bố trí nguồn ngân sách nhà nước (chi thường xuyên và chi đầu tư) theo quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách đảm bảo phù hợp theo khả năng cân đối ngân sách.

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn việc sử dụng ngân sách đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, minh bạch và công

khai theo quy định hiện hành.

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc rà soát cơ sở vật chất các cơ quan hành chính dôi dư do sắp xếp để bổ sung cơ sở vật chất, trường lớp cho ngành Giáo dục đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Trên cơ sở phê duyệt đối tượng được hưởng chính sách của Sở Giáo dục và Đào tạo, cân đối kinh phí hằng năm và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí để tổ chức thực hiện các chính sách cho giáo viên và trẻ theo quy định.

5. Sở Y tế

Phối hợp hướng dẫn chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh trường học, an toàn thực phẩm; tổ chức khám sức khỏe định kỳ và tư vấn cho trẻ, giáo viên, cha mẹ.

Phối hợp tập huấn kiến thức, kỹ năng y tế trường học và theo dõi các vấn đề sức khỏe ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp xác định nhu cầu, vị trí và quỹ đất phục vụ xây dựng trường, điểm trường và các công trình thuộc Đề án; hướng dẫn thủ tục đất đai, môi trường theo chức năng.

Phối hợp kiểm tra điều kiện môi trường, nước sạch, vệ sinh và xử lý các vấn đề phát sinh ảnh hưởng đến an toàn của trẻ và tiến độ công trình.

7. Công an tỉnh

Phối hợp cung cấp, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ rà soát, xác định và huy động đầy đủ trẻ 3-5 tuổi; bảo đảm chính xác, kịp thời, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu cá nhân.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Thành lập hoặc kiện toàn Ban Chỉ đạo phổ cập; ban hành kế hoạch hằng năm, phân công rõ trách nhiệm, tiến độ, sản phẩm và nguồn lực.

Chỉ đạo điều tra, cập nhật trẻ 3-5 tuổi; tổ chức huy động, vận động, theo dõi chuyên cần và kết quả hoàn thành chương trình; chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu địa phương.

Rà soát nhóm, lớp, giáo viên, nhân viên; đề xuất nhu cầu tuyển dụng; bố trí, điều động, sử dụng đội ngũ hợp lý; tạo điều kiện cho giáo viên nâng chuẩn, bồi dưỡng.

Rà soát quỹ đất, danh mục công trình, thiết bị; tổ chức thực hiện các nội dung được phân cấp; theo dõi tiến độ, chất lượng, giải ngân, nghiệm thu, bàn giao và khai thác sau đầu tư.

Chủ động rà soát nhu cầu, khả năng cân đối ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp được giao để bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền, trong đó có đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị liên quan đến trường lớp.

Hoàn thiện điều kiện, hồ sơ để kiểm tra, công nhận theo lộ trình; duy trì kết

quả sau công nhận; tổ chức sơ kết, đánh giá và báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo.

9. Cơ sở giáo dục mầm non

Rà soát, thống kê trẻ 3-5 tuổi trên địa bàn được phân công; vận động, tiếp nhận trẻ đúng độ tuổi, cập nhật hồ sơ và theo dõi chuyên cần trong suốt năm học.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo từng độ tuổi; theo dõi sự phát triển, hỗ trợ trẻ chưa đạt yêu cầu; đánh giá, xác nhận hoàn thành chương trình và phối hợp gia đình chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một.

Sắp xếp nhóm, lớp, giáo viên, nhân viên, phòng học và thời gian hoạt động phù hợp; bảo đảm an toàn, chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; kịp thời báo cáo khi thiếu điều kiện.

Quản lý hồ sơ trình độ giáo viên; tạo điều kiện cho 24 giáo viên nâng chuẩn hoàn thành năm 2027; đánh giá chuẩn nghề nghiệp hằng năm và tổ chức hỗ trợ, bồi dưỡng theo kết quả đánh giá.

Đề xuất đúng nhu cầu xây dựng, sửa chữa, mua sắm; tiếp nhận, sử dụng đúng công năng, bảo quản và kiểm kê tài sản; cập nhật đầy đủ dữ liệu và minh chứng phục vụ kiểm tra, công nhận.

Đề án này thay thế Đề án số 99/ĐA-SGDĐT ngày 07/01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026-2030 được phê duyệt tại Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 16/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Kèm theo Phụ lục I, Phụ lục IIa, Phụ lục IIb, Phụ lục IIc, Phụ lục III, Phụ lục IVa, Phụ lục IVb)

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo Sở GD&ĐT;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Các cơ sở GDMN;
- Lưu: VT, GDMN-TH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH CÀ MAU

Nguyễn Hồng Nhung